

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02 /GPMT-UBND

Ninh Phước, ngày 27 tháng 02 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2386/QĐ-UBND ngày 15/7/2021 của Ủy ban nhân
dân huyện Ninh Phước về việc ban hành quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân
huyện Ninh Phước nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Công văn số 193/UBND-KTTH ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh về
thuê quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để làm Trạm bê tông nhựa phục
vụ thi công Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hào;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần đầu
tư hạ tầng giao thông Đèo Cả số 96/2022/HHV ngày 06/10/2022; số
20.02/2023/HHV ngày 20/02/2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 220
/TTr-PTNMT ngày 24 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả,
địa chỉ văn phòng tại Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân,
Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng được thực hiện
các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Trạm trộn bê tông nhựa nóng đặt tại
xã Phước Vinh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (sau đây viết tắt là Dự án) với
các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Trạm trộn bê tông nhựa nóng tại xã Phước Vinh, huyện

Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại thôn Phước An 1, xã Phước Vinh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

1.3. Giấy phép kinh doanh số: 0400101965 cấp đổi lần thứ 29 ngày 03/11/2021 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

1.4. Mã số thuế: 0400101965.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến vật liệu xây dựng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích thực hiện dự án: 25.434,7 m².

- Công suất: 01 trạm, 160 tấn/h.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.



2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước, Ủy ban nhân dân xã Phước Vinh nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Từ ngày 27 tháng 02 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024 (theo tiến độ thực hiện dự án).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân xã Phước Vinh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Phước Vinh;
- Chủ Dự án;
- Công Thông tin điện tử UBND huyện;
- Lưu: VT, PTNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Khánh



Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 02 /GPMT-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên làm việc tại Dự án.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt theo đường ống PVC đường kính 21 mm, dài 01 m dẫn về hố ga để tái sử dụng phun dập bụi trong khu vực Dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải: Tại tọa độ X=1304003, Y= 0588840 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°) nằm trong khuôn viên Dự án thuộc xã Phước Vinh, huyện Ninh Phước.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $1,84 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $0,08 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 14:2008/BTNMT theo đường ống PVC đường kính 21 mm, dài 01 m dẫn về hố ga theo phương thức tự chảy và tái sử dụng phun dập bụi trong khu vực dự án.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

- Nước thải sinh hoạt phải đạt giá trị cột B, QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1.000
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20

9	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn. Nước thải sau khi xử lý được dẫn về hố ga để lưu chứa và tận dụng để đập bụi trong khuôn viên Dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn với thể tích 12m³ (kích thước: 2,0m x 3,0m x 2m) để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và định kỳ thuê đơn vị chức năng đến hút bùn. Nước thải sau xử lý được tận dụng để đập bụi trong khuôn viên Dự án.

- Công suất xử lý nước thải sinh hoạt của hệ thống xử lý nước thải Dự án: 12m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng hóa chất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 15/3/2023 đến ngày 15/4/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí có tọa độ X = 1281628,895; Y = 566016,393 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108⁰15', múi chiều 3⁰) thuộc xã Phước Vinh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Ba (03) mẫu đơn trong ba (03) ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải tập trung bảo đảm nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 02 /GPMT-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI, BỤI:**1. Nguồn phát sinh khí thải, bụi:**

Nguồn phát sinh khí thải, bụi của Dự án chủ yếu từ quá trình xúc bốc nguyên vật liệu; quá trình cấp cốt liệu vào các phễu tiếp liệu; quá trình sàng, sấy, phối trộn vật liệu của trạm trộn bê tông nhựa nóng; quá trình hâm nóng nhựa đường, quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải, bụi:

2.1. Vị trí xả khí thải, bụi: Chủ yếu trong phạm vi khu vực của Dự án, có tọa độ ranh giới như sau:

Số hiệu điểm	Tọa độ (VN 2000)	
	X (m)	Y (m)
1	1281591,26	566104,31
2	1281614,55	566120,59
3	1281666,25	566143,27
4	1281716,82	566168,50
5	1281739,08	566138,43
6	1281763,57	566112,18
7	1281641,73	566021,58
8	1281639,86	566024,22
9	1281628,90	566016,39
10	1281594,71	566106,72

- Khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất bê tông nhựa nóng sau khi xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ sẽ thoát ra ống khói cao 15 m tại tọa độ X=1281653.852, Y= 566115.124 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiều 3⁰) và thoát ra môi trường bên ngoài.

- Khí thải phát sinh từ quá trình làm nóng nhựa đường sau khi xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp

đối với bụi và các chất vô cơ sẽ thoát ra ống khói cao 12 m tại tọa độ X = 1281670.466; Y = 566098.123 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°) và thoát ra môi trường bên ngoài.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Lưu lượng khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất bê tông nhựa nóng: 16,67 m^3 /giờ.

- Lưu lượng khí thải phát sinh từ quá trình làm nóng nhựa đường: 8,35 m^3 /giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Không liên tục và chỉ phát sinh khi có nhu cầu.

2.2.2. Chất lượng không khí tại Dự án phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200
2	CO	mg/Nm ³	1.000
3	NO ₂	mg/Nm ³	850
4	SO ₂	mg/Nm ³	500

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, GIẢM THIỂU KHÍ THẢI, BỤI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, giảm thiểu khí thải, bụi:

1.1. Bụi phát sinh trong quá trình xúc bốc nguyên vật liệu, cấp cốt liệu vào các phễu tiếp liệu: Khi đổ các nguyên liệu từ gàu của xe xúc xuống các phễu cấp liệu phải điều khiển gàu đổ gần với phễu chứa; không đổ đầy vật liệu chứa trong boongke, luôn đảm bảo vật liệu (cát, đá) được cấp trong boongke bằng khoảng 80% phễu chứa giảm thiểu bụi phát sinh vào ngày có gió lớn tại khu vực thổi qua cuốn bụi phát tán vào không khí; trang bị khẩu trang chống bụi cho công nhân làm việc tại Dự án; bố trí trồng hàng rào cây xanh xung quanh dự án, lắp dựng tôn bao quanh để hạn chế bụi phát tán.

1.2. Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình sàng, sấy, phối trộn vật liệu của trạm trộn bê tông nhựa nóng: Bụi trong quá trình sản xuất được các quạt hút thu gom về hệ thống xử lý bụi cyclone và bụi túi lọc được tích hợp trong dây chuyền sản xuất.

1.3 Khí thải phát sinh từ quá trình hâm nóng nhựa đường: Quá trình này diễn ra hoàn toàn trong thùng khép kín, do đó hoạt động hâm nóng nhựa đường cơ bản không phát sinh bụi, khí thải.



2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 15/3/2023 đến ngày 15/4/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Dòng khí thải số 01: Tại vị trí có tọa độ $X = 1281653.852$, $Y = 566115.124$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°) thuộc xã Phước Vinh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

- Dòng khí thải số 02: Tại vị trí có tọa độ $X = 1281670.466$; $Y = 566098.123$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°) thuộc xã Phước Vinh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Ba (03) mẫu đơn trong ba (03) ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Quản lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả thải bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.



Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 02 /GPMT-UBND ngày 27 tháng 02
năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 95 kg/năm. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, các loại dầu mỡ thải, pin, ắc quy thải, giẻ lau dính dầu nhớt thải, hộp mực in...

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 12kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn dư thừa, bao bì, hộp đựng thức ăn,...

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Chủ yếu là cốt liệu rơi vãi trong quá trình nhập liệu, sản xuất khoảng 50 kg/ngày; bao bì đựng bột khoáng khoảng 20 kg/ngày; thùng phi đựng bitum khoảng 30 kg/tháng; bụi thu hồi từ hệ thống xử lý bụi khoảng 50 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại được thu gom vào các thùng nhựa kín, có nắp đậy, dung tích 30 lít/thùng, sau đó lưu trữ tại kho lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại với diện tích 20 m². Định kỳ, Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý đúng quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: 02 thùng rác với dung tích mỗi thùng là 20 lít đặt tại khu vực nhà điều hành để thu gom rác thải sinh hoạt. Cuối ngày, nhân viên vệ sinh của Công ty sẽ tập trung vào 01 thùng rác có dung tích 120 lít/thùng và định kỳ chuyển giao cho đội vệ sinh của địa phương vận chuyển, xử lý.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Đối với cốt liệu rơi vãi trong quá trình nhập liệu: thu gom và cho trở lại vào phễu tiếp liệu để tiếp tục sản xuất bê tông nhựa nóng, không thải bỏ ra môi trường.

+ Đối với bao bì đựng bột khoáng: thu gom gọn gàng và lưu giữ tại kho lưu chứa chất thải rắn với diện tích 20 m². Chủ đầu tư sẽ liên hệ đơn vị thu mua phế liệu đến thu gom, vận chuyển định kỳ 1 lần 1 tuần.



+ Đối với thùng phi đựng bitum: hiện nay các đơn vị cung cấp hóa chất công nghiệp đều yêu cầu ký quỹ vô thùng và hoàn tiền khi thu hồi thùng rỗng. Do đó, các thùng chứa bitum được thu gom lại và gửi trả về cho nhà sản xuất.

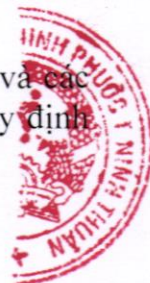
+ Đối với bụi thu hồi từ hệ thống xử lý bụi: thu gom, tái sử dụng toàn bộ bụi khô thu được từ buồng lọc bụi túi vải, toàn bộ phần bụi khô thu được từ buồng lọc bụi sẽ tuần hoàn lại bằng gầu nóng để tái sản xuất. Vì vậy, không phát sinh bụi thải bỏ ra bên ngoài môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định pháp luật hiện hành./.



Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 02 /GPMT-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước)

1. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm của Dự án theo quy định và thực hiện việc lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo tại công ty để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra./.